TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT
Ngày 17-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 688/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 399/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 625/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Phương Y, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký thường trú: L36/16/13 Cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Dương Thị Kim T, sinh năm 1963. Địa chỉ: số B, Ô, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 31/5/2024).

- *Bị đơn*: bà Trịnh Thị Xuân T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đỗ Hữu P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 10/6/2022 bà Y có cho bà Trịnh Thị Xuân T1 vay số tiền 50.000.000đồng, có lập giấy tay vay tiền, việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Bà T1 cam kết đến ngày 10/01/2023 sẽ trả lại cho bà Y số tiền 50.000.000đồng, nhưng đến ngày 10/01/2023 bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Giấy mượn tiền ngày 10/06/2022 là do bà T1 tự đánh máy, tự ký và lăn tay, sau đó bà T1 tự đưa cho bà Y. Sau khi vay tiền, bà Y có liên hệ với bà T1 nhiều lần nhưng bà T1 không trả nợ. Bà T1 có hẹn bà Y đến nhà yêu cầu đưa giấy nợ gốc mới trả nợ, hai người có cự cãi qua lại tình cảm thân tình đã không còn. Trước khi đưa giấy nợ gốc cho bà T1, bà Y đã chụp lại bản gốc, khi bà Y đưa giấy gốc cho bà T1, bà T1 đã giữ luôn, hiện nay bà Y xác định bà T1 đang giữ giấy nợ gốc nêu trên.

Bà Y khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị Xuân T1 phải trả lại số tiền đã vay là 50.000.000đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 10/6/2022 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trịnh Thị Xuân T1 trình bày:

Khoảng năm 2020, bà có vay của bà Trần Thị Phương Y số tiền 20.000.000đồng, khi vay không lập hợp đồng vay, có thỏa thuận lãi suất 2.000.000đồng/tháng. Đến năm 2021, bà đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi cho bà Y xong, việc trả tiền không lập biên bản giao nhận, việc trả lãi và gốc do bà giao trực tiếp cho bà Y. Trong giấy vay tiền ngày 10/06/2022 như nguyên đơn cung cấp cho rằng bà vay 50.000.000đồng bà khẳng định không biết, không ký tên và lăn tay trong giấy nợ này. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Y thì bà không đồng ý, vì bà không vay tiền bà Y. Đối với việc trình bày bà giựt giấy nợ gốc của bà Y thì bà không đồng ý.

Trong văn bản ngày 02/8/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P trình bày:

Ông có chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị Phương Y nhưng không có đăng ký kết hôn. Vào năm 2022, bà T1 có mượn của bà Y số tiền 50.000.000đồng thời hạn mượn cũng như việc thỏa thuận tính lãi suất thế nào thì ông không biết rõ. Bà Y có điện thoại nhiều lần cho bà T1 để đòi tiền thì ông mới biết lúc này là đến hạn bà T1 phải trả nợ cho bà Y. Sau nhiều lần bà Y gọi điện thoại, bà T1 cứ hứa mà cũng không trả, bà Y gọi điện thoại đòi tiếp tục thì bà T1 không nghe, sau đó chặn cuộc gọi. Từ đó bà Y bực tức nên kêu ông đi cùng đến nhà bà T1 thì lúc này bà T1 lật lọng không nợ còn chồng bà T1 thì nói "Nếu bà T1 có nợ thì Y đem giấy nợ ra thì ông sẽ giàn xếp cho bà T1 trả nợ cho". Vì lúc đi không có đem theo giấy nợ nên ngày hôm sau ông chở bà Y đến nhà bà T1, bà Y đưa giấy nợ photo thì bà T1 cùng với chồng không chịu đòi giấy chính. Lúc này bà Y lấy giấy từ trong túi ra chưa kịp đưa thì bà T1 xông vào giật lấy rồi quay lưng đi vô phía trong nhà. Do quá bất ngờ nên bà Y chửi thề rồi la làng, đòi bà T1 trả giấy, bà T1 nói: "Tao cầm giấy nợ tao coi cho rõ ràng, bà Y kêu trả lại cho bà Y thì bà T1 nói không trả...", người dân ở gần thấy vậy kéo nhau đến xem. Sự việc trên xảy ra lúc khoảng 19 giờ, ông không nhớ ngày, có anh Q và anh D1 là người có quen biết với bà Y tình cờ đi công việc gặp bà Y tại đó nên dừng lại chào hỏi nghe bà Y nói đi đòi nợ bà T1 nên đứng xem và chứng kiến việc bà T1 giựt giấy nợ của bà Y. Nay bà Y kiện bà T1 đòi số tiền 50.000.000đồng là sự thật bà T1 có mượn, ông không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Do bận đi làm nên ông xin vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Trong văn bản ngày 31/7/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông là chồng bà Trịnh Thị Xuân T1, trước đây vợ ông có mượn bà Y số tiền 20.000.000đồng nhưng đã trả xong cho bà Y. Vào ngày 11, 12 và 14/01/2024 bà Y có dẫn một số người đến nhà ông đập phá nhà và đưa giấy nợ bản photo kêu vợ chồng ông trả nợ nên ông không đồng ý vì theo ông biết bà T1 không có vay số tiền 50.000.000đồng như bà Y trình bày.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày tại phiên tòa ngày 31/7/2024 như sau:

Ông có nghe bà Trần Thị Phương Y nói bà Trịnh Thị Xuân T1 có nợ tiền bà. Ông có chứng kiến bà Y đưa cho bà T1 một tờ giấy thì bà T1 giật chạy vào nhà và có chứng kiến như đoạn ghi âm, còn việc số nợ bao nhiêu thì ông không biết.

Người làm chứng ông Lê Thanh Q trình bày tại phiên tòa ngày 31/7/2024 như sau:

Ông có đi cùng bà Y đòi nợ nhưng bà Y mới lấy giấy nợ thì bà T1 giật giấy nợ chạy vào phía trong nhà còn việc có vay tiền và cụ thể vay bao nhiêu thì ông không biết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 399/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 96, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Xuân T1 phải trả số tiền còn nợ theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 10/6/2022 (bản sao in) tổng cộng là 61.343.333đồng (*Sáu mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*), trong đó số tiền vay gốc 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh 11.343.333đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Trần Thị Phương Y phải chịu 3.067.000đồng (*Ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An khấu trừ cho bà Trần Thị Phương Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đồng theo biên lai thu số 0006640 ngày 18/3/2024. Bà Trần Thị Phương Y còn phải nộp 1.817.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y làm đơn kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y do bà Dương Thị Kim T đại diện không rút đơn khởi kiện, rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bà Trịnh Thị Xuân T1 trả số tiền vay là 50.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trình bày cho rằng, bà Y có cho bà T1 vay số tiền 50.000.000đồng, có lập giấy nợ, tuy nhiên khi bà Y đến nhà bà T1 đòi nợ thì bà T1 đã giựt giấy nợ giấu đi, nên bà Y không còn giữ bản chính của giấy nợ, tuy nhiên bà Y cũng đã chụp hình lại giấy nợ, những người có mặt đều chứng kiến, việc cự cãi giữa bà Y và bà T1, thể hiện bà T1 không đồng ý trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc bà T1 trả cho bà Y số tiền 50.000.000đồng, bà T đại diện cho bà Y rút yêu cầu kháng cáo về việc tính lãi của số tiền 50.000.000đồng.

Bị đơn bà Trịnh Thị Xuân T1 cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày không thừa nhận có nợ bà Y số tiền 50.000.000đồng, thừa nhận giọng nói của bà T1 cùng ông V trong đoạn ghi âm mà phía nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên bà T1 cho rằng, đoạn ghi âm không có hình ảnh của bà T1 giựt giấy nợ, hiện tại bà Y không có giấy nợ, thể hiện có chữ ký của bà T1 nhận nợ nên bà T1 không đồng ý trả số tiền trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phương Y yêu cầu bà T1 trả lại số tiền đã vay là 50.000.000đồng và lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 10/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Y cung cấp cho Tòa án bản sao in "*Giấy mượn tiền"* ngày 10/6/2022 (BL 39), trích camera và người làm chứng là ông Nguyễn Văn D và ông Lê Thanh Q thấy rằng:

Giấy tay "*Giấy mượn tiền*" ngày 10/6/2022 có chữ ký và dấu vân tay nhưng là bản sao in, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L có văn bản từ chối giám định do bà Y không cung cấp được bản chính giấy mượn tiền vì cho rằng bà T1 đã giật và xé giấy mượn tiền như hình ảnh đoạn camera mà bà Y đã cung cấp cho Tòa án.

Xét thấy, đoạn camera bà Y cung cấp tuy không thể hiện rõ ràng việc bà T1 xé giấy mượn tiền như bà Y trình bày; người làm chứng ông D và ông Q trình bày chỉ chứng kiến việc bà T1 giật tờ giấy, không xác định được đó là tờ giấy gì và số tiền vay giữa bà Y và bà T1 là bao nhiêu. Tuy nhiên, theo trình bày của bà T1, ông V tại phiên tòa ngày 14/01/2025 cùng với tiếng nói trong đoạn ghi âm do bà Y cung cấp thì việc bà Y cho rằng bà T1 giật giấy nợ là có xảy ra. Tuy bà Y không đủ cơ sở chứng minh tờ giấy nợ do bà T1 giật lấy có phải là tờ giấy nợ 50.000.000đồng bà Y khởi kiện trong vụ án này hay không, nhưng bà Y có cung cấp được hình ảnh chụp bản gốc và bản photo giấy nợ. Vì vậy nghĩa vụ chứng minh tờ giấy bà T1 giật lấy không phải là tờ giấy nợ 50.000.000đồng trong vụ án này là nghĩa vụ của bà T1.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Y khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ trực tiếp để chứng minh, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Y xác định chỉ yêu cầu bà T1 trả lại tiền gốc vay, rút lại yêu cầu trả tiền lãi. Việc đại diện nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với phần tiền lãi là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu trả tiền lãi.

Như phân tích trên, bà Y cho rằng bản gốc giấy nợ đã bị bà T1 giật xé bỏ nên không thể còn bản gốc, căn cứ bản photo và hình ảnh bản gốc giấy nợ do bà

Y cung cấp xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Y về việc buộc bà T1 trả số tiền gốc vay 50.000.000đồng là có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu trả tiền lãi vay của bà Y; chấp nhận kháng cáo của bà Y về việc yêu cầu bà T1 trả 50.000.000đồng tiền gốc vay. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trịnh Thị Xuân T1, yêu cầu bà T1 thanh toán số tiền đã vay vào ngày 10/6/2022 cùng tiền lãi phát sinh. Toà án cấp sơ thẩm với nhận định cho rằng, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ có cho bà T1 vay tiền nên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đó bà Y làm đơn kháng cáo.

[3] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu P vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y yêu cầu bà Trịnh Thị Xuân T1 trả số tiền 50.000.000đồng thấy rằng:

[4.1] Trong giấy tay vay tiền "Giấy mượn tiền" ngày 10/6/2022 thể hiện bà Xuân T1 có vay của bà Phương Y số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 10/01/2023 sẽ hoàn trả, trong giấy tay không thể hiện lãi suất vay. Tuy nhiên bà Xuân T1 không thừa nhận có ký tên vào giấy tay vay tiền, do bà Y chỉ xuất trình được bản photocoppy, nên không đồng ý hoàn trả số tiền. Bà Phương Y trình bày cho rằng, khi bà Y đến đòi tiền thì bà Xuân T1 đã giựt giấy nợ nên không còn giấy nợ bản chính.

[4.2] Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy tay vay tiền hiện bản chính không còn, nhưng ngoài bản photocoppy, bà Phương Y cũng cung cấp hình ảnh chụp lại của giấy nợ, điều này cho thấy thực tế có tồn tại giấy nợ vay tiền, do hiện không còn bản chính nên không tiến hành trưng cầu giám định.

[4.3] Vào thời điểm bà Y đến nhà bà Xuân T1 yêu cầu trả nợ, thì thực tế các bên có cự cãi, chính bà Xuân T1 cùng ông Nguyễn Văn V thừa nhận. Việc bà Xuân T1 giựt giấy nợ được những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn D, ông Lê Thanh Q chứng kiến về hành vi giựt giấy của bà Xuân T1. Qua đoạn ghi âm được cung cấp và chiếc lược thể hiện có việc đòi nợ của bà Y và việc từ chối trả nợ của bà T1 và của ông V với các đoạn thoại của bà T1 như "*...Tao nói mày nghe, mày kêu tao trả giấy nợ, tao cầm giấy nợ này tao coi,...Mày đem cái giấy nợ, mày vô mày vu khống tao*", của ông V "*Cái giấy tờ đó cũng đâu có chứng minh được...gì đâu*".

[5] Từ những cơ sở trên có căn cứ xác định việc vay nợ của bà Xuân T1 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Y, buộc bà T1 trả cho bà Y số tiền 50.000.000đồng.

[6] Về yêu cầu tính lãi: tại phiên toà phúc thẩm, bà T đại diện cho nguyên đơn rút lại yêu cầu kháng cáo về tính lãi, căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu tính lãi phía nguyên đơn đã rút.

[7] Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: bà Xuân T1 phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà Phương Y, bà Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 309, Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị Kim T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000đồng của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 399/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Trịnh Thị Xuân T1.

Buộc bà Trịnh Thị Xuân T1 trả cho bà Trần Thị Phương Y số tiền 50.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Y yêu cầu bà Trịnh Thị Xuân T1 trả số tiền lãi là 11.343.333đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Trịnh Thị Xuân T1 phải chịu 2.500.000đồng

Bà Trần Thị Phương Y phải chịu 567.000đồng án phí đối với số tiền lãi bị bác yêu cầu và không phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000đồng theo Biên lai số 0006640 ngày 18/3/2024, và 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai số 0005686 ngày 23/9/2024. Bà Y được hoàn trả lại số tiền 983.000đồng.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga